

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thịnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hà	Ủy viên
Ông Trần Quang Đường	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


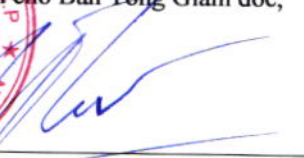
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 28 tháng 7 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.186.040.517.605	982.213.215.489
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	87.350.059.278	187.437.538.246
1. Tiền	111		87.350.059.278	9.837.538.246
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	177.600.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		185.949.767.318	357.900.947.192
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	139.739.601.082	326.911.323.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.026.344.220	19.619.542.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	87.704.086.647	60.743.619.658
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(68.520.264.631)	(49.373.538.274)
III. Hàng tồn kho	140	9	860.270.899.853	423.015.406.491
1. Hàng tồn kho	141		864.550.408.492	433.946.170.094
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.279.508.639)	(10.930.763.603)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.469.791.156	13.859.323.560
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.299.349.647	3.935.879.604
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.629.576.901	7.342.172.413
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.540.864.608	2.581.271.543
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		707.696.174.762	766.171.221.938
I. Tài sản cố định	220		556.718.228.961	605.018.101.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	532.985.612.701	580.887.597.301
- Nguyên giá	222		1.379.069.224.131	1.384.591.227.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(846.083.611.430)	(803.703.629.860)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	23.732.616.260	24.130.504.322
- Nguyên giá	228		28.019.135.751	28.019.135.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.286.519.491)	(3.888.631.429)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	20.023.094.810	20.023.094.810
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.023.094.810	20.023.094.810
III. Tài sản dài hạn khác	260		130.954.850.991	141.130.025.505
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	130.954.850.991	141.130.025.505
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.893.736.692.367	1.748.384.437.427

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này